

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý,
xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành
chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành
chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ Quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 233/TTr-SNNPTNT ngày 16 tháng 9 năm 2024; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2142/BC-STP ngày 12 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; gồm 03 chương, 12 điều.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2024 và thay thế Quyết định số 92/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều, nạo vét, khai thác và kinh doanh cát, sỏi lòng sông liên quan đến đề, kè trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Minh Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính
về thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

(Kèm theo Quyết định số 85/2024/QĐ-UBND

ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, trách nhiệm phối hợp trong công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban, ngành; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều, xử lý vi phạm hành chính và các quy định khác có liên quan đến quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, đồng bộ nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm và xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đê điều. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục triệt để theo quy định của pháp luật.

3. Việc phối hợp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định; đảm bảo không chồng chéo trong hoạt động, theo thẩm quyền. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết trên cơ sở thẩm quyền của mỗi cơ quan.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu, cho ý kiến bằng văn bản theo chuyên ngành quản lý, thực hiện báo cáo và chịu trách nhiệm về nội dung cung cấp, báo cáo.

2. Thành lập, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành việc thi hành pháp luật về thủy lợi, đê điều.

3. Tham gia triển khai các biện pháp thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thủy lợi, đê điều theo quy định của pháp luật.

4. Các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II **NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

Điều 5. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phòng ngừa vi phạm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy lợi, đê điều trong phạm vi quản lý của địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều để thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều;

b) Định kỳ phát các tin, bài về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều trên Đài Truyền thanh cấp xã vào ngày thứ 2 hoặc thứ 6 tuần đầu tiên của tháng.

4. Các tổ chức được giao quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều:

a) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương các cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và triển khai thực hiện pháp luật về thủy lợi, đê điều thuộc thẩm quyền, trách nhiệm được giao;

b) Thực hiện các biện pháp phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình thủy lợi, đê điều; vận động các tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

5. Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, đê điều giúp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm.

Điều 6. Phối hợp trong công tác kiểm tra, ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính

1. Lĩnh vực thủy lợi

a) Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và các tổ chức:

Thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42, khoản 6, khoản 8 Điều 54 Luật Thủy lợi và pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong công tác kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm công trình thủy lợi; phối hợp với người có thẩm quyền trong việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm công trình thủy lợi được giao quản lý; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và người có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật; giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 42 Luật Thủy lợi; chỉ đạo các bộ phận chức năng, Tổ hợp tác xã dùng nước, Hợp tác xã nông nghiệp thuộc quyền quản lý thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi quy định tại điểm h khoản 3 Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Chỉ đạo lực lượng chức năng thuộc thẩm quyền quản lý, phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi. Có trách nhiệm xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình;

- Phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình; ngăn chặn kịp thời các công trình xây dựng trái phép trên đất hành lang bảo vệ an toàn công trình; buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại hiện trạng của đất như trước khi vi phạm; trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với các tổ chức liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Trong phạm vi, chức năng, quyền hạn được giao, chỉ đạo các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi quy định tại điểm h khoản 2 Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

- Có trách nhiệm xử lý khi có kiến nghị của các Cơ quan, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Trong phạm vi, chức năng, quyền hạn được giao, hằng năm chỉ đạo Thanh tra Sở xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý hoặc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của cấp trên để phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan kiểm tra và kiến nghị xử lý việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đối với các cơ sở sản xuất, dự án, khu dân cư có xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi và xe vượt quá trọng tải đi trên công trình, nhằm đạt hiệu quả trong việc ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thủy lợi, trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

đ) Công an tỉnh: Chỉ đạo các phòng chuyên môn và Công an cấp huyện phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, chính quyền địa phương, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và các cơ quan liên quan kiểm

tra các công trình thủy lợi khi có yêu cầu; kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Tiến hành xử phạt hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để xử lý theo quy định.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực thủy lợi theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp xả nước thải trái phép hoặc không đúng quy định vào công trình thủy lợi;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng đất đai trong phạm vi khu vực bãi sông, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để ngăn chặn việc lấn chiếm, xâm phạm phạm vi bảo vệ công trình;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

g) Sở Giao thông vận tải:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, tổ chức kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực thủy lợi theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp đối với các xe ô tô chở hàng vượt quá trọng tải, quá khổ giới hạn cầu đường bộ đi trên công trình thủy lợi khi có yêu cầu;

- Chỉ đạo Thanh tra Sở lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực đê điều

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý công trình đê điều:

Thực hiện trách nhiệm quản lý, bảo vệ công trình đê điều theo quy định của pháp luật về đê điều và pháp luật khác có liên quan. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra nhằm phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm công trình đê điều; phối hợp với người có thẩm quyền trong việc lập biên bản vi phạm hành chính các hành vi vi phạm công trình đê điều được giao quản lý; kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ đê điều; chỉ đạo các bộ phận chức năng cấp xã trên địa bàn thường xuyên thực hiện kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 43 của Luật Đê điều và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Chỉ đạo lực lượng chức năng thuộc thẩm quyền quản lý, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức được giao quản lý đê điều thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về đê điều. Có trách nhiệm xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về đê điều trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đê điều và xử lý các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP;

- Có trách nhiệm xử lý khi có kiến nghị của các cơ quan, tổ chức được giao quản lý, bảo vệ công trình đê điều, Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình đê điều. Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt thì lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về đê điều trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan có liên quan kiểm tra và kiến nghị xử lý các cơ sở sản xuất, dự án, khu dân cư có xả nước thải chưa qua

xử lý hoặc không đúng quy định vào sông, xe vượt quá trọng tải đi trên công trình và các hoạt động khác trong phạm vi bảo vệ công trình đê điều, nhằm ngăn chặn, xử lý đạt hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều;

- Chỉ đạo Thanh tra Sở phối hợp với Chi cục Thủy lợi hằng năm xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về đê điều trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về đê điều trong quá trình kiểm tra thì phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

đ) Công an tỉnh:

Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng, phòng, ban chuyên môn, Công an cấp huyện phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức thực hiện kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Tiến hành xử phạt hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, tổ chức kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực đê điều theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng đất đai trong phạm vi khu vực bãi sông, phạm vi bảo vệ công trình đê điều, để ngăn chặn việc lấn chiếm, xâm phạm phạm vi bảo vệ công trình;

- Chỉ đạo người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

g) Sở Giao thông vận tải:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, tổ chức kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực đê điều theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý các phương tiện vi phạm neo đậu trái phép tại các bến thủy nội địa, xe vượt quá trọng tải, các vi phạm khác ảnh hưởng đến đê điều theo thẩm quyền quản lý;

- Chỉ đạo Thanh tra Sở lập biên bản vi phạm hành chính, tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền hoặc chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xử phạt vi phạm hành chính

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành, khai thác công trình thủy lợi, đề điều có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận trực thuộc phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương trong quá trình kiểm tra, xác minh hồ sơ vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều; phối hợp theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Khi phát hiện hành vi vi phạm phải tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 38 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP. Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP;

b) Sau khi nhận được biên bản vi phạm hành chính và hồ sơ, tài liệu liên quan do người có thẩm quyền lập biên bản chuyển đến trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (*noi xảy ra vi phạm thuộc địa bàn quản lý*) phải tiến hành xử phạt đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt thì chuyển biên bản vi phạm hành chính và tài liệu liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

d) Xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi, đề điều khi nhận được đề nghị của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và các Cơ quan có liên quan;

đ) Rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình ban hành, trường hợp phát hiện có sai sót thì phải kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trước pháp luật nếu không xử lý kịp thời các vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều trên địa bàn quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Khi phát hiện hành vi vi phạm phải tiến hành xử phạt theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP. Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính (*quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021*);

c) Sau khi nhận được biên bản vi phạm hành chính và hồ sơ, tài liệu liên quan do người có thẩm quyền lập biên bản chuyển đến thì chậm nhất trong thời hạn 07 ngày làm việc (*quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (*nơi xảy ra vi phạm thuộc địa bàn quản lý*) phải tiến hành xử phạt đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt thì chuyển biên bản vi phạm hành chính và tài liệu liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

đ) Xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi, đề điều khi nhận được đề nghị của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận;

e) Rà soát các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành, trường hợp phát hiện có sai sót thì phải kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền;

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trước pháp luật nếu không xử lý kịp thời các vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều trên địa bàn quản lý.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành kiểm tra, xác minh và xử phạt theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy lợi, đề điều theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP. Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt thì chuyển biên bản vi phạm hành chính và tài liệu liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

5. Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định tại Nghị định số 03/2022/NĐ-CP có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị, lực lượng, phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chính quyền địa phương, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận và các Cơ quan liên quan xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy lợi, đề điều theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 41, khoản 1 Điều 44, khoản 1, khoản 2 Điều 45 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP. Trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt thì chuyển biên bản vi phạm hành chính và tài liệu liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt theo thời hạn quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Điều 8. Phối hợp trong tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới ban hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thi hành quyết định cưỡng chế trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP;

b) Chỉ đạo, phân công các bộ phận chức năng cấp xã, các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp xây dựng kế hoạch, thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo đề nghị của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

c) Khi cần thiết báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ lực lượng tham gia cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới ban hành;

b) Chỉ đạo, phân công các phòng, ban, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp xây dựng kế hoạch, thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo đề nghị của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;

c) Phối hợp Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, Chi cục Thủy lợi để xác định mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều; các vấn đề kỹ thuật liên quan đến an toàn công trình làm cơ sở cho việc cưỡng chế vi phạm hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt do mình ban hành;

b) Chỉ đạo Thanh tra Sở và các phòng chuyên môn thuộc Sở phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt theo đề nghị của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

4. Công an tỉnh:

Chỉ đạo lực lượng Công an có trách nhiệm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu.

5. Các sở, ngành có liên quan:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo, phân công các phòng chuyên môn, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp thực hiện cưỡng chế khắc phục hậu quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm theo đề nghị của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

6. Các Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành, khai thác công trình thủy lợi, đề điều:

a) Chỉ đạo, phân công các phòng chuyên môn, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa các vi phạm.

b) Xác định mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều; vấn đề chuyên môn kỹ thuật liên quan đến an toàn công trình thủy lợi, đề điều để làm cơ sở cho việc tổ chức cưỡng chế giải tỏa vi phạm.

Điều 9. Phối hợp trong công tác rà soát, tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý vi phạm hành chính

1. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, các tổ chức: Thường xuyên tổng hợp các hành vi vi phạm đối với công trình thủy lợi, đề điều được giao quản lý. Hàng tháng, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, phân loại, thống kê số liệu vi phạm, kiến nghị xử lý cụ thể đối với từng trường hợp vi phạm đối với công trình thủy lợi, đề điều. Định kỳ (*hàng tháng, quý, năm*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*); tổng hợp, báo cáo tình hình vi phạm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Tổng hợp tình hình xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy lợi, đề điều trên địa bàn quản lý; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ (*hàng tháng, quý, năm*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) và chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu do cấp mình báo cáo.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo định kỳ (*hàng tháng, quý, năm*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*) tình hình vi phạm pháp luật về thủy lợi, đề điều xảy ra trên địa bàn quản lý theo đúng thời gian quy định;

b) Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, định kỳ (*hàng tháng, quý, năm*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*); tổng hợp, báo cáo tình hình xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi theo đúng thời gian quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, các tổ chức, đơn vị trực thuộc về tình hình vi phạm, cũng như tình hình xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều; định kỳ (*hàng tháng, quý, năm*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*); tổng hợp, báo cáo Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Chế độ báo cáo:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Đối với báo cáo tháng: gửi trước ngày 20 hàng tháng;
- Đối với báo cáo quý: gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý;
- Đối với báo cáo năm: gửi trước ngày 20 tháng 12;
- Báo cáo đột xuất: Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi:

- Đối với báo cáo tháng: gửi trước ngày 25 hàng tháng;
- Đối với báo cáo quý: gửi trước ngày 25 của tháng cuối quý;
- Đối với báo cáo năm: gửi trước ngày 25 tháng 12;
- Báo cáo đột xuất: Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận, người đứng đầu các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện Quy chế này theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổ chức đánh giá việc triển khai thực hiện Quy chế, tổng hợp kết quả, báo cáo Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc: Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều xảy ra trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà chưa được xử lý thì thực hiện theo Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan./.